

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI VÀ VLXD ĐỒNG NAI - HÀ TỈNH**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3818 1888

Fax: (84-4) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 – 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3915 1368

Fax: (84-8) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (84-511) 3525 777

Fax: (84-511) 3525 779



Biên cơ hội thành giá trị

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI - HÀ TỈNH

Địa chỉ: Xã Kỳ Tiến – Kỳ Anh – Hà Tĩnh

Điện thoại: 0393.740.588

Fax: 0393.740.633



DONGNAI - HATINH

TỔ CHỨC CHÀO BÁN

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – VINACOMIN

Địa chỉ : Số 193 Nguyễn Huy Tưởng – Thanh Xuân Trung – Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại: 04.6287.6666

Fax: 04 6288.3333



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	4
1.	Tổ chức phát hành.....	4
2.	Cổ phần chào bán.....	4
3.	Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần.....	4
II.	CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN	4
III.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1.	Rủi ro về kinh tế.....	5
2.	Rủi ro về luật pháp	7
3.	Rủi ro hoạt động kinh doanh.....	7
4.	Rủi ro khác	8
IV.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	8
1.	Chủ sở hữu vốn.....	8
2.	Doanh nghiệp bán đấu giá.....	9
3.	Tổ chức thực hiện bán đấu giá	9
V.	CÁC KHÁI NIỆM.....	9
VI.	THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	10
1.	Giới thiệu về Công ty.....	10
1.1.	Những thông tin chung về Công ty	10
1.2	Ngành, nghề kinh doanh	10
2.	Quá trình hình thành và phát triển	11
3.	Cơ cấu tổ chức Công ty.....	112
4.	Cơ cấu cổ đông.....	15
5.	Hoạt động kinh doanh	16
6.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	22
7.	Vị thế của Công ty trong ngành.....	23

7.1 Vị thế công ty trong ngành	23
7.2 Một số thuận lợi khó khăn.....	23
8. Chính sách đối với lao động.....	25
8.1 Cơ cấu lao động.....	25
8.2 Chính sách đối với người lao động	26
9. Chính sách cổ tức	26
10. Tình hình tài chính	27
11. Tài sản	33
11.1 Giá trị tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2013.....	33
11.2 Tình hình sử dụng đất đai.....	33
12. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2014.....	34
13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	34
VII. THAY LỜI KẾT.....	35

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức phát hành

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Hà Tĩnh
Tên viết tắt	:	TPT.,JSC
Địa chỉ	:	Xã Kỳ Tiến – Kỳ Anh – Hà Tĩnh
Điện thoại	:	0393.740.588
Fax	:	0393.740.633

2. Cổ phần chào bán

Số lượng cổ phần chào bán	:	500.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần
Loại cổ phần chào bán	:	Cổ phần phổ thông
Giá trị cổ phần theo mệnh giá	:	5.000.000.000 đồng
Phương thức chào bán	:	Chào bán đấu giá công khai theo quy định
Giá khởi điểm chào bán	:	3.000 đồng/cổ phần

3. Công bố thông tin và địa điểm tổ chức mua cổ phần

- Địa điểm cung cấp Bản công bố thông tin, nhận đăng ký tham gia đấu giá, nhận tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá, nhận phiếu tham dự đấu giá: *Công ty Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS). Tầng 3, Trung tâm Hội nghị Công đoàn, số 1 Yết Kiêu, Hà Nội.*
- Theo quy chế bán đấu giá cổ phần Công ty Gạch ngói gồm và VLXD Đồng Nai, Hà Tĩnh do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội ban hành (Gọi tắt là Quy chế đấu giá).

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT CHÀO BÁN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Căn cứ Thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính Phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

- Căn cứ công văn số 6464/TKV-TCCB ngày 04/01/2015 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về thông qua phương án thoái vốn của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin tại các Công ty con, công ty liên kết;
- Căn cứ Tờ trình số 2294/TTr – VIMICO ngày 10/11/2014 của Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin (VIMICO) đề nghị tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam phê duyệt Phương án thoái vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết và Nghị quyết số 58/2014/NQ-HĐV ngày 01/12/2014 của Hội đồng thành viên thông qua Phương án thoái vốn của VIMICO tại Công ty cổ phần Gạch ngói gôm và VLXD Đồng Nai, Hà Tĩnh;
- Căn cứ Quyết định số 20/QĐ - VIMICO ngày 12/01/2015 của Tổng Công ty Khoáng sản - Vinacomin về việc lựa chọn SHS là tổ chức tài chính trung gian đấu giá công khai số cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan.

III. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

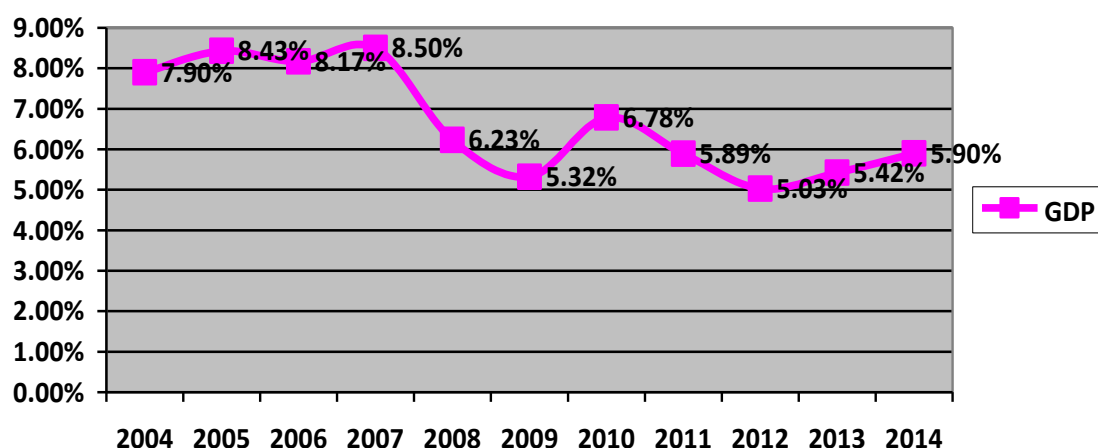
1. Rủi ro về kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Kinh tế Việt Nam có xu hướng tăng dần trong những năm 2004 – 2007 với tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 8.25%. Cuộc khủng hoảng tài chính của một số nền kinh tế lớn trong năm 2008 đã đẩy nền kinh tế thế giới vào tình trạng suy thoái, làm hẹp thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động và tác động tiêu cực tới nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội khác của nước ta, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong nước năm 2008 chỉ đạt 6,18% và con số này trong những năm tiếp theo (2009 - 2011) cũng không cao. Tuy nhiên, sau nhiều nỗ lực phục hồi nền kinh tế của Chính phủ, từ năm 2012, GDP nước ta đã có xu hướng tăng nhẹ tương ứng là 5.03%, 5.42% và 5.9%.

Biểu đồ 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Nguồn: Tổng cục thống kê

Năm 2012, tình hình kinh tế trong nước tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn. Tăng trưởng kinh tế năm 2012 tiếp tục chậm lại (chỉ đạt 5,03%, thấp hơn chỉ tiêu năm 2011; mặt bằng lãi suất vẫn ở mức cao, tuy vậy lạm phát đã được kiềm chế xuống còn một chữ số).

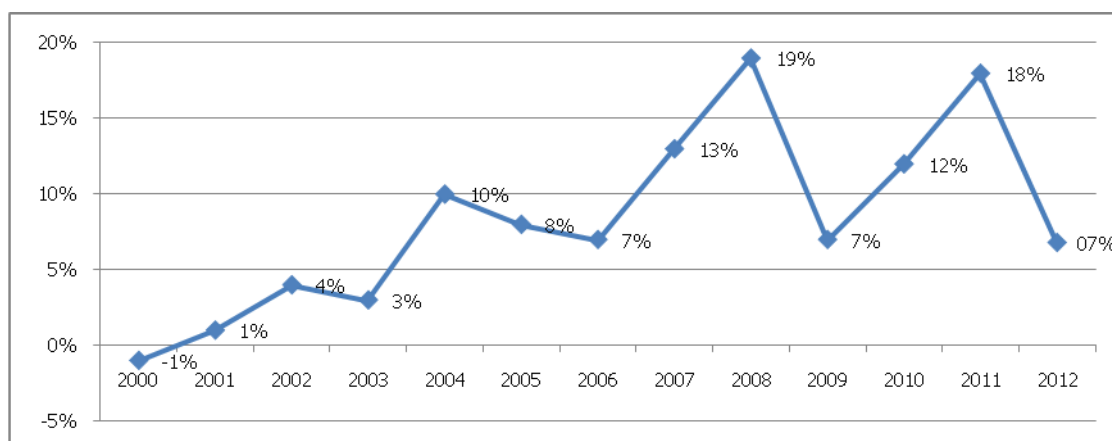
Năm 2013, kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, GDP năm 2013 tăng hơn 5,42%, cải thiện tích cực so với mức tăng 5,25% của năm 2012. Với GDP tăng trưởng ở mức 5.9% trong năm 2014, Việt Nam trở thành nước thứ hai sau Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 trên thế giới. Năm 2015, tập đoàn HSBC dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 6.1% trong khi Tập đoàn kiểm toán lớn Ernst&Young lại khá lạc quan với mức tăng 6.4%. Nhìn chung bức tranh về nền kinh tế Việt Nam năm 2015 sẽ khá tích cực, tạo tiền đề cho các Doanh nghiệp trong nước phát triển.

Tuy những khó khăn và bất ổn kinh tế trong những năm trước đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng với triển vọng tích cực về nền kinh tế vĩ mô năm 2015, cùng với hàng loạt chính sách về Đầu tư phát triển Doanh nghiệp trong nước của Chính phủ, sẽ là tiền đề quan trọng cho Công ty phát triển và đạt lợi nhuận cao hơn những năm trước. Bên cạnh những điều kiện kinh tế tích cực, để tiếp tục tồn tại và phát triển, đòi hỏi Công ty phải luôn chủ động, nhạy bén, kịp thời có các giải pháp, biện pháp vượt qua khó khăn thách thức, tận dụng triệt để các cơ hội có được để phát triển vươn lên.

❖ **Lạm phát:**

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí sản xuất kinh doanh khác. Tại Việt Nam, tỷ lệ lạm phát đã tăng từ 6,6% năm 2006 lên 12,6% trong năm 2007, đặc biệt năm 2008 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên tới 19,87%. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 2008 – 2009 đã góp phần làm giảm tỷ lệ lạm phát Việt Nam cuối năm 2009, giảm xuống còn 6,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 tăng tới 11,8%.

Tính chung trong giai đoạn 2001-2010, lạm phát của Việt Nam đã tăng trung bình trên 8,8%/năm, vượt xa con số của một số quốc gia khác trong khu vực như Thái Lan (2,7%) hay Trung Quốc (2,1%).

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam

Nguồn: Tổng cục thống kê

Đặc biệt, chỉ số giá tiêu dùng năm 2011 đã tăng tới 18,13% so với tháng 12 năm 2010, vượt xa chỉ tiêu 7% đặt ra từ đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu của sự tăng mạnh này là do những biến động về giá vàng, tỷ giá USD, lãi suất, nhập siêu cao... đã kéo theo nhiều mặt hàng trong nước tăng giá. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng công nghiệp, lương thực tăng mạnh cũng đã góp phần gây ra tình trạng lạm phát tăng cao gần đây. Năm 2012, với mục tiêu chính trong công tác điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ là kiềm chế lạm phát, Việt Nam đã đạt được kết quả khả quan với tỷ lệ lạm phát của cả năm 2012 dừng lại tại mức 6,8%.

Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2013 tăng 6,04% so với cùng kỳ năm trước, song vẫn thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm ngoái. Trong năm 2013, cung cầu hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, giá một số hàng hóa thiết yếu như lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, xi măng, ở mức ổn định. Lạm phát năm 2014 thấp nhất trong 10 năm qua ở mức dưới 4% là điều kiện thuận lợi đối với nền kinh tế nói chung và Doanh nghiệp nói riêng.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới. Mọi sự thay đổi về chính sách quản lý cũng như sự thay đổi về các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động của các doanh nghiệp nói chung cũng như của các doanh nghiệp trong ngành luôn có thể xảy ra, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro hoạt động kinh doanh

❖ Rủi ro hoạt động

Hoạt động sản xuất chủ yếu của Công ty là sản xuất gạch ngói, là sản phẩm phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, số lượng sản phẩm không tốt, hỏng và không sử dụng được còn tồn tại tương đối nhiều do kỹ thuật sản xuất chưa thực sự tân tiến. Việc sử dụng sức lực con người trong việc vận chuyển cũng một phần làm chậm tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm.

Để khắc phục rủi ro này Công ty nên thực hiện các biện pháp bảo hộ lao động, cũng như nghiên cứu xem xét đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại nhưng vẫn tiết kiệm hơn.

❖ ***Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào***

Với đặc thù của một đơn vị sản xuất, chi phí nguyên vật liệu của Công ty chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng chi phí, bên cạnh đó công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới, mà để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Tuy nhiên, nguồn nguyên nhiên vật liệu hiện nay Công ty sử dụng chịu khá nhiều ảnh hưởng của sự biến động của giá cả nhiên liệu trong nước và thế giới, giá cả nguyên liệu đầu vào chủ yếu là đất sét, giá xăng dầu,... nhìn chung đều có xu hướng ngày càng tăng, do đó tác động không nhỏ đến tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty.

Để giảm mức độ rủi ro biến động giá này, Công ty có thể thực hiện nhiều biện pháp nhằm tạo sự ổn định cho nguồn nguyên nhiên vật liệu như việc ký kết các hợp đồng có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động, ký các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu dài hạn và tạo dựng mối quan hệ làm ăn uy tín, bền vững với các nhà cung cấp,....

❖ ***Rủi ro về thị trường và cạnh tranh:***

Thị trường gạch ngói và vật liệu xây dựng ở Việt Nam hiện nay có khá nhiều Công ty lớn và uy tín, với môi trường thiết bị sản xuất hiện đại. Thêm vào đó, số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không thể tránh khỏi áp lực phải hạ giá sản phẩm, doanh số và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi các doanh nghiệp xây dựng phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị phần tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ bàn giao thành phẩm.

❖ ***Rủi ro về mặt kỹ thuật:***

Lĩnh vực sản xuất gạch và vật liệu xây dựng đòi hỏi phải có hệ thống thiết bị kỹ thuật và máy móc thi công phù hợp và đảm bảo. Với sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học kỹ thuật thì sự lỗi thời là khó tránh khỏi, đòi hỏi Công ty phải có chế độ khấu hao và kế hoạch mua sắm máy móc trang thiết bị hợp lý nhằm giảm thiểu giá thành nhưng vẫn đảm bảo hệ thống kỹ thuật phục vụ quy trình sản xuất.

4. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của những rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh,... Đây là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Chủ sở hữu vốn

Ông: Nguyễn Tiến Mạnh

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin

2. Doanh nghiệp bán đấu giá

Ông: Ngô Đức Lý

Chức vụ: Giám đốc

Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Đại diện theo pháp luật:

Ông Vũ Đức Tiến

Chức vụ:

Tổng Giám đốc

Bản Công bố thông tin này là một phần của hồ sơ thoái vốn của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tư vấn soạn thảo trên cơ sở Quyết định lựa chọn đơn vị tư vấn chào bán cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản – Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh cung cấp.

V. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản công bố thông tin này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- ♦ Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Gạch ngói và vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh về những nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần;
- ♦ Tổng công ty: Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin;
- ♦ Vimico: Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin;
- ♦ Công ty: Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh;
- ♦ SHS: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội;
- ♦ Cổ đông: Tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh
- ♦ Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- ♦ Cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh;
- ♦ Cổ tức: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận của Công ty cổ phần cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh sau khi đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính;

- ♦ Điều lệ: Điều lệ của Công ty cổ phần cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh;
- ♦ Năm tài chính: Tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm;
- ♦ Vốn điều lệ: Số vốn do cổ đông góp được ghi trong Điều lệ của Công ty cổ phần cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh.

Ngoài ra, những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như Quy định trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

VI. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Giới thiệu về Công ty

1.1. Những thông tin chung về Công ty

- Tên doanh nghiệp: **Công ty cổ phần cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh**
- Tên tiếng anh: Dong Nai – Ha Tinh Produce Tile and Materials Construction Joint Stock Company
- Tên viết tắt: TPT., JSC
- Địa chỉ: Thôn Trần Phú, Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
- Điện thoại: (039) 3740588
- Fax: (039) 3740633
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 28.03.000422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 12 năm 2013
- Sản phẩm dịch vụ chủ yếu: Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất gạch ngói cao cấp
- Vốn thực góp (tính đến thời điểm 30/09/2014): 18.200.000.000 (Mười tám tỷ hai trăm triệu đồng)

1.2 Ngành, nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 10 tháng 08 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 12 năm 2013, Công ty cổ phần Gạch ngói và Vật liệu xây dựng kinh doanh các ngành nghề sau:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch ngói cao cấp
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Kinh doanh các loại máy móc, thiết bị khai khoáng, xây dựng

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư máy móc thiết bị (bổ sung lần 1)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ (bổ sung lần 1)

Theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty tháng 08 năm 2013, lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:

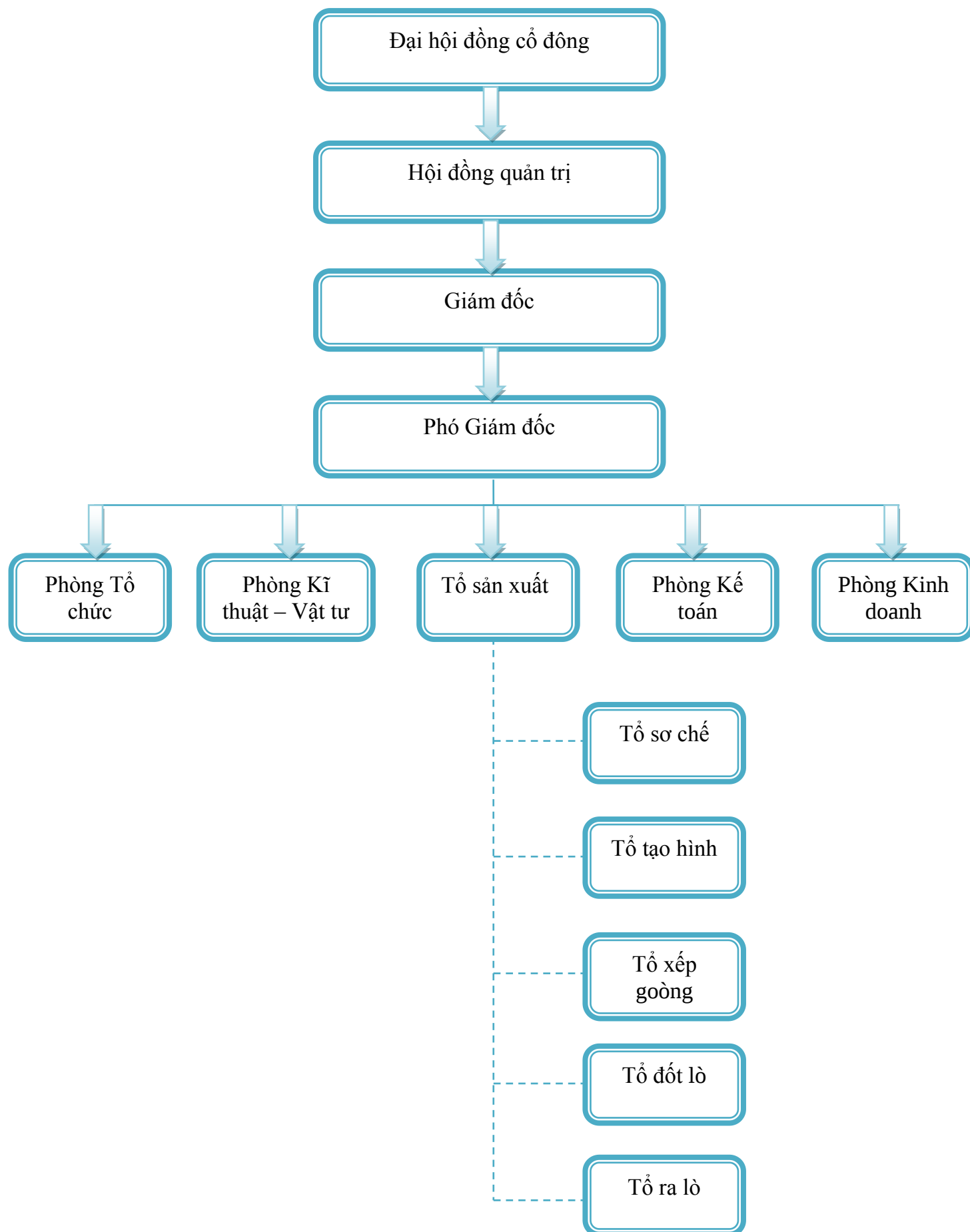
- Khai thác, chế biến, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, trạm và đường điện 35KV trở xuống, san lấp mặt bằng;
- Xuất, nhập khẩu, kinh doanh các loại máy móc thiết bị, các loại phương tiện vận tải;
- Kinh doanh thương mại, kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, kinh doanh dịch vụ khách sạn nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Kinh doanh các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công Ty Cổ Phần Gạch Ngói và VLXD Đồng Nai- Hà Tĩnh được thành lập ngày 25/9/2007 bởi 03 cổ đông: Tổng công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh, Tổng công ty khoáng sản TKV thuộc tập đoàn than khoáng sản Việt Nam, công ty CP gạch ngói Đồng Nai. Hiện nay công ty CP gạch ngói Đồng Nai đã chuyển nhượng vốn lại cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và ứng dụng công nghệ mới Tecco.

Mục tiêu hoạt động của Công ty là nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hóa các khoản lợi nhuận hợp lý cho Công ty, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

Trong 8 năm hoạt động công ty đã đưa ra thị trường những sản phẩm gạch ngói nung chất lượng cao phục vụ cho các công trình xây dựng lâu năm và đã khẳng định được thương hiệu gạch Đồng Nai –Hà Tĩnh trên lĩnh vực sản xuất gạch ngói nung.

3. Cơ cấu tổ chức Công ty

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng Quản trị của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm.

❖ **Ban Giám đốc**

Giám đốc: Điều hành chung mọi hoạt động của Công ty; chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; xây dựng phương án, chiến lược hoạt động và triển khai thực hiện các chiến lược đó sau khi đã được HĐQT phê chuẩn; trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: kinh doanh, tài chính, kế hoạch, vật tư, tổ chức nhân sự.

Phó giám đốc: Phụ trách các lĩnh vực về kỹ thuật, kế hoạch thị trường, vật tư thiết bị, tài chính kế toán... và thay mặt Giám đốc điều hành Công ty khi Giám đốc đi vắng.

❖ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do ĐHCĐ bầu chọn để tra mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành công ty, hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế của Ban kiểm soát. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người, trong đó phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính, kế toán và không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán của Công ty hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán cho Công ty.

❖ **Các phòng ban**

- **Phòng Tổ chức:**

Tổ chức nhân sự: Tổ chức tuyển dụng, thực chế độ chính sách với người lao động, quản lý nhân sự, hồ sơ cán bộ công nhân viên, BHXH, BHYT.

- **Phòng Kế toán:**

Có nhiệm vụ thu thập xử lý thông tin số liệu kế toán theo đúng đối tượng và nội dung công việc kế toán theo chuẩn mực và chế độ kế toán đã quy định. Kế toán trong Công ty gồm: Kế toán vật tư, kế toán TSCĐ, kế toán thu chi, kế toán ngân hàng, kế toán công nợ, kế toán giá thành, kế toán tổng hợp.

- **Phòng Kỹ thuật – vật tư:**

Quản lý, giám sát kỹ thuật, mỹ thuật, chất lượng sản phẩm; Lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

- Phòng Kinh doanh

Có nhiệm vụ lập kế hoạch SXKD ngắn hạn, dài hạn, kế hoạch của Công ty. Đồng thời, tham gia tìm kiếm các hợp đồng cung cấp vật liệu; Soát xét các hồ sơ nghiệm thu khối lượng và bám sát tiến độ theo hợp đồng; Thực hiện các công việc khác do Giám đốc Công ty giao

- Các tổ theo dây chuyền sản xuất:

- + Tổ sơ chế: 6 người
- + Tổ tạo hình: 60 người
- + Tổ xếp goòng: 32 người
- + Tổ đốt lò: 6 người
- + Tổ ra lò: 30 người

4. Cơ cấu cổ đông

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 3 ngày 02/12/2013 là 20.000.000.000 đồng được chia thành 2.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn thực góp

4.1 Cơ cấu vốn cổ phần tại thời điểm 30/09/2014

STT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	03	18.200.000	18.200.000.000	100
1	Cổ đông tổ chức	03	18.200.000	18.200.000.000	100
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	03	18.200.000	18.200.000.000	100,00%

Nguồn: TPT.,JSC

4.2 Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm 30/09/2014

TT	Cổ đông	Số cổ phần (CP)	Giá trị (triệu VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	1.020.000	10.200	56,1%
2	Tổng Công ty Khoáng sản – Vinacomin (Vimico)	500.000	5.000	27,5%
3	Công ty CP Đầu tư xây dựng & ứng dụng công nghệ mới	300.000	3.000	16,4%
	Tổng cộng	18.200	18.200	100%

Nguồn: TPT.,JSC

4.3 Danh sách cổ đông sáng lập.

Danh sách cổ đông theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 28.03.000422 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 10/08/2007:

TT	Tên Cổ đông	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị CP (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Khoáng sản và thương mại Hà Tĩnh	Cổ phần phổ thông	1.000.000	10.000.000.000	50%
2	Công ty CP Gạch ngói Đồng Nai	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25%
3	Tổng Công ty Khoáng sản - TKV	Cổ phần phổ thông	500.000	5.000.000.000	25%

5. Hoạt động kinh doanh

5.1 Sản phẩm của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty là gạch ngói nung và vật liệu xây dựng.

Cơ cấu doanh thu qua các năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 2/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.231	97,85	26.026	99,99	13.851	99,98
DT hoạt động tài chính	0.000773	0,003	0.000795	0,001	0.00196	0,002
DT khác	0.5525	2,2	-	-	-	-
Cộng	25.784	100	26.027	100	13.853	100

Nguồn: TPT.,JSC

Cơ cấu giá vốn của Công ty:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Quý 2/2014	
	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)	Giá trị	Tỷ trọng/DT (%)
Giá vốn hàng bán	27.495	106,6	23.943	92	11.928	86,1

Chi phí tài chính	5.748	22,3	3.064	11,7	1.488	10,7
Chi phí khác	2.246	8,7	0.319	1,2	-	-
Cộng	35.489	137,6	27.326	105	13.416	96,8

Nguồn: TPT.,JSC

5.2 Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu:
 - + Than cám, than cục
 - + Đất sét ruộng
- Danh mục nhà cung cấp nguyên vật liệu:

STT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Công ty CP xây lắp TM tổng hợp Lam Hồng	Than cám, than cục
2	Công ty TNHH Đồng Phú	Đất sét ruộng
3	Doanh nghiệp tư nhân Tùng Thành	Đất sét ruộng

Nguồn: TPT.,JSC

5.3 Chi phí sản xuất qua các năm

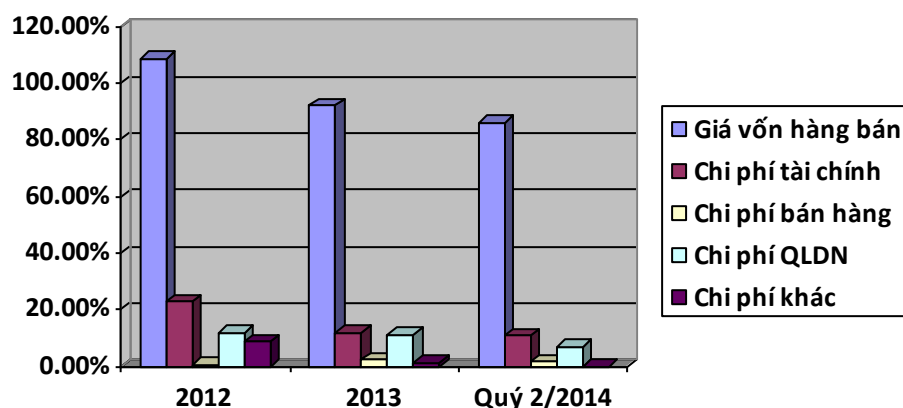
Đơn vị: Đồng

Yếu tố	Năm 2012	Tỷ trọng/T DT (%)	Năm 2013	Tỷ trọng/T DT(%)	Quý 2/2014	Tỷ trọng/T DT(%)
Giá vốn hàng bán	27.495.838.966	106,6%	23.943.637.701	92%	11.928.450.072	86,11%
Chi phí tài chính	5.748.509.464	22,3%	3.064.208.645	11,77%	1.488.502.972	10,74%
Chi phí bán hàng	127.485.925	0,5%	662.494.872	2,54%	235.124.998	1,69%
Chi phí QLDN	2.988.501.726	11,6%	2.931.256.118	11,26%	945.692.310	6,82%
Chi phí khác	2.246.341.491	8,7%	319.845.144	1,22%	-	-
Cộng chi phí	38.606.677.572	149,0%	30.921.442.480	118,8%	14.597.770.352	105,3%
Tổng doanh thu	25.784.865.518	100,0%	26.027.323.723	100,0%	13.853.429.547	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC Q2/2014

Biểu đồ 3: Cơ cấu chi phí qua các năm

Tỷ trọng chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao



Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty là chi phí giá vốn hàng bán (bình quân 100% trong hai năm 2012-2013). Năm 2012-2013, Công ty chịu tác động từ sự suy thoái nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, trong hoàn cảnh khó khăn mặc dù Công ty đã nỗ lực tiết giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng sự biến động tăng giá nguyên vật liệu đầu vào đã dẫn đến tỷ trọng giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần luôn ở mức rất cao, dẫn tới tỷ trọng lợi nhuận gộp của Công ty ở mức rất thấp. Bên cạnh đó, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty mặc dù không thay đổi nhiều về đối tác cung cấp, nhưng giá thành nguyên vật liệu luôn ở mức cao, riêng khoản chi phí trả cho người bán đã gần 7 tỷ VNĐ ở năm 2013. Là một Công ty sản xuất, việc phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nguồn nguyên liệu đầu vào với giá thành cao này thực sự là điểm không thuận lợi cho Doanh nghiệp.

Chiếm tỷ trọng cao thứ hai và thứ ba trong chi phí của Doanh nghiệp là Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp. Chi phí tài chính là 100% lãi tiền vay từ Tổng công ty Khoáng sản & TM Hà Tĩnh và Ngân hàng Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Tĩnh. Nguồn chi phí này khó có thể cắt giảm một cách nhanh chóng do tiền vay gốc cao nhưng lợi nhuận kinh doanh và khả năng thanh toán bằng tài sản của Công ty lại không hề khả quan. Chi phí QLDN giảm nhẹ qua các năm do Công ty đã thắt chặt quản lý, nhưng cũng chưa thật sự mang lại lợi ích rõ rệt trong việc cắt giảm chi phí ở khoản mục này.

Nhìn chung, với mục đích cắt giảm chi phí trong tương lai, Công ty cần xây dựng phương án cụ thể đối với từng khoản mục chi phí, và cương quyết thực hiện nhằm đạt hiệu quả cao trong việc quản lý kinh doanh sản xuất.

5.4 Trình độ công nghệ

Danh mục một số máy móc, thiết bị thi công của Công ty như sau:

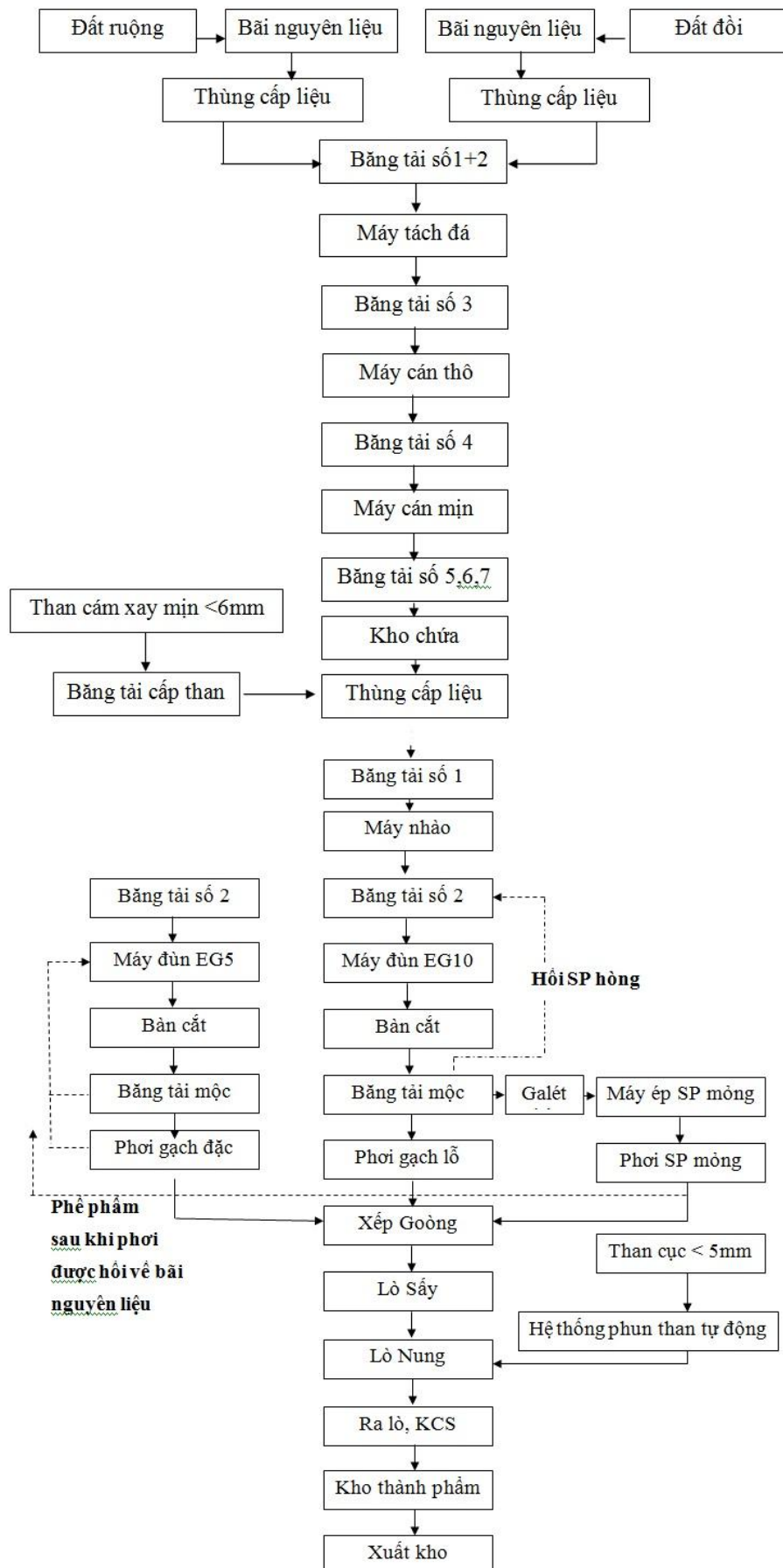
STT	Tên máy móc, thiết bị	Mã số	Số lượng
Máy móc, thiết bị		L02	
1	Bơm chân không 15kW	BOMCHANK	1
2	Dây chuyền sơ chế than	DCSCT	1
3	hệ thống chống cháy	HTCC	1
4	Hệ thống chống sét	HTCS	1
5	Khuôn gạch	KHUONGAC	1
6	Khuôn ngói 22	KHUONNG1	1
7	Máy ủi Komatsu	M40	1
8	Máy ủi DT9H	MAYUIDT9	1
9	Máy vi tính IBM	MAYVT03	1
10	Máy cắt gạch 1	MCATGAC1	1
11	Máy cắt gạch số 2	MCATGAC2	1
12	Máy cắt gạch	MCATGACH	1
13	Máy đèn EG5	MEG5	1
14	Máy ép ngói 22	MEPNGOI	1
15	Máy đào KAT	MKAT	1
16	Máy phát điện Komin	MPHATDIE	1
17	Máy xúc lật Kawasaki	MXUCLAT	1
18	Hệ thống thiết bị Hàn Quốc	TBHQ	1
19	Thiết bị khởi động mềm	TBKDM04	1
20	Hệ thống thiết bị trong nóc	TBTN	1
21	Tủ bù 01	TUBU01	2
22	Tủ bù 240KVA	TUBU03	1
Phương tiện vận tải		L03	
23	Xe ô tô 7 chỗ	VPOTO	1
24	Xe goòng số 81	XEG81	1
25	Xe goòng số 82	XEG82	1
26	Xe goòng số 83	XEG83	1
27	Xe goòng số 84	XEG84	1
28	Xe goòng số 85	XEG85	1
29	Xe goòng số 86	XEG86	1
30	Xe goòng số 87	XEG87	1
31	Xe goòng số 88	XEG88	1
32	Xe goòng số 89	XEG89	1
33	Xe goòng số 90	XEG90	1
Thiết bị, dụng cụ quản lý		L04	
34	Hệ thống Camera	HTHONGCM	1
Thiết bị khác		L05	

35	Hệ thống điện chiếu sáng	HTDNM	1
36	Trạm biến áp 630KVA	TRAMBA01	1

Nguồn: Công ty

5.5 Quy trình sản xuất gạch:

**SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT GẠCH NGÓI
VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ ĐẤT SÉT NUNG.**



✓ **Nguyên liệu và xử lý nguyên liệu đầu vào.**

Nguyên liệu chính để sản xuất các loại gạch ngói là đất sét. Đất sét được sử dụng tại công ty có hai loại chính, đất sét đồi và đất sét ruộng dùng máy xúc đào và vận chuyển về công ty bằng xe ô tô. Tại bãi chứa nguyên liệu của công ty đất sét được quy hoạch theo từng lô và được ủ khoảng 3 tháng trước khi đưa vào sản xuất.

✓ **Chế biến nguyên liệu đầu vào.**

Nguyên liệu từ bãi chứa được máy ủi đưa vào kho theo 2 lô khác nhau rồi cấp vào thùng cấp liệu theo tỷ lệ khác nhau (đất đồi và đất sét) tùy theo yêu cầu của công nghệ, từ đó hỗn hợp nguyên liệu được đưa vào máy tách đá. Sau khi nguyên liệu được tách một phần đá được đưa sang máy cán thô, tại máy cán thô nguyên liệu được cán nhỏ với khe hở của ống cán 3÷4mm. Ra khỏi máy cán thô được đưa sang máy cán mịn theo yêu cầu rồi đưa sang kho chứa. Nguyên liệu từ thùng cấp liệu được vận chuyển qua các máy và cấp vào kho chứa nhờ hệ thống băng tải. Sau khi được sơ chế nguyên liệu được ủ tại kho chứa ít nhất 7 ngày trước khi đưa vào tạo hình

✓ **Tạo hình các sản phẩm gạch và ngói.**

Nguyên liệu từ kho chứa được máy xúc lật đưa vào thùng định lượng và đổ xuống băng tải (đối với các sản phẩm có pha than). Than cám 6b được băng cân định lượng đổ xuống băng tải. Hỗn hợp nguyên liệu + than được băng tải đưa vào máy nhào trộn, nguyên liệu được trộn đều và tăng ẩm đưa vào băng tải máy đùn tạo hình. Sau khi được đùn ra qua máy cắt sản phẩm mộc được đưa lên kệ phơi (hoặc đưa đi ủ đối với các loại phôi sản xuất ngói)

Phôi ngói sau khi được ủ khoảng 3 ngày được đưa đi ép. Ngói sau khi ép ra được chỉnh sửa đưa lên kệ đi phơi.

✓ **Phơi và bảo quản sản phẩm mộc**

Sản phẩm mộc sau khi được tạo hình đưa lên kệ phơi và đưa đi phơi trong nhà phơi hoặc ngoài trời. Sản phẩm sau khi phơi khô được đưa vào sấy và nung hoặc được xếp dỡ trữ trong nhà theo yêu cầu.

✓ **Quá trình sấy nung sản phẩm**

Sản phẩm mộc sau khi sấy khô được xếp lên xe goòng và được xe goòng vận chuyển vào lò sấy. Tại lò sấy trên xe goòng được cấp khí nóng từ lò nung đưa sang lò sấy. Sau khi ra khỏi lò sấy sản phẩm mộc được đưa sang lò nung bằng hệ thống đường ray xe phà. Tại lò nung sản phẩm tiếp tục được sấy khô, nung nóng đến kết khối sau đó được lam nguội rồi ra lò. Nhiệt cung cấp cho lò nung là nhờ sự cháy của than pha lẫn vào sản phẩm mộc. Hệ thống phun than được điều khiển tự động hoá nên nhiệt độ trong lò luôn ổn định phù hợp với từng loại sản phẩm do đó chất lượng sản phẩm đạt loại A từ 95 ÷ 98%. Không khí cấp cho lò nhờ hệ thống quạt được bố trí dọc lò.

✓ **Phân loại sản phẩm và xuất sản phẩm**

Sản phẩm sau khi ra lò ở nhiệt độ thường được công nhân phân loại và vận chuyển xếp vào kho, bãi chứa sản phẩm theo từng lô, từng loại sản phẩm. Từ các lô thành phẩm, sản phẩm được xuất lên xe theo các đơn hàng.

5.6 Một số hợp đồng lớn đã và đang thực hiện:

STT	Tên hợp đồng	Trị giá (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ dịch vụ	Đối tác ký hợp đồng
1	Hợp đồng số 47 ngày 08/7/2014	4.000	01/7/2014-30-5-2015	Gạch các loại	CT CP kiến trúc Phục Hưng
2	Hợp đồng số 52 ngày 20/11/2014	3050	01/12/2014-30/6/2015	Gạch các loại	CT TNHH TM Hà Trường
3	Hợp đồng số 62 ngày 20/12/2014	5.000	20/12/2014-30/6/2015	Gạch các loại	Công ty CP phát triển Hạ Tầng Mitraco Công ty CP phát triển

Nguồn: TPT.,JSC

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm gần đây**

Đơn vị: VNĐ

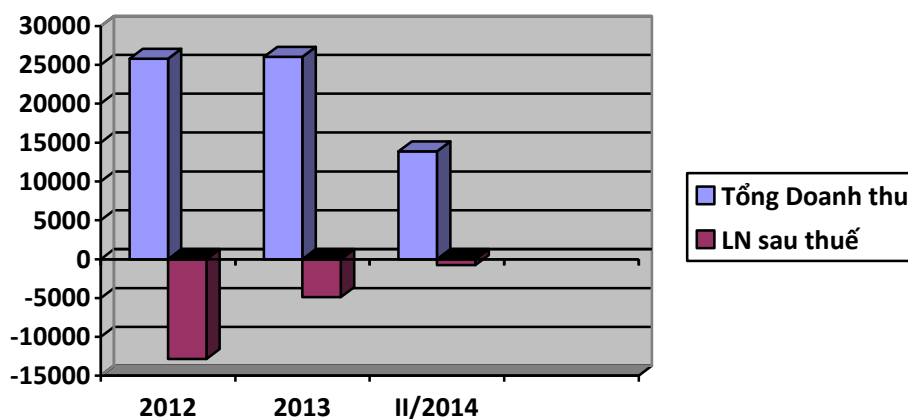
Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Quý 2/2014
Tổng tài sản	55.878.647.390	50.246.291.486	49.660.465.957
Vốn thực góp	18.200.000.000	18.200.000.000	18.200.000.000
Nguồn vốn chủ sở hữu	(1.960.836.263)	(6.854.955.020)	(7.599.295.825)
Tổng doanh thu	25.784.865.518	26.027.323.723	13.853.429.547
Lợi nhuận sau thuế	(12.821.812.054)	(4.894.118.757)	(744.340.805)
EPS (đồng/cổ phần)	-	-	-
ROE (%)	(0,7)	(26,9)	(4,1)
ROA (%)	(22,9)	(9,7)	(1,5)

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013 và BCTC quý 2/2014

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Biểu đồ 4: Doanh thu và Lợi nhuận qua các năm (triệu đồng)

*Doanh thu của
Công ty tăng qua
các năm*



Chịu ảnh hưởng chung của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, hoạt động xây dựng do đó cũng bị giảm sút mạnh mẽ những năm 2010 – 2013. Bởi vậy, các hợp đồng về cung cấp vật liệu cho đối tác xây dựng, thi công của Công ty cũng giảm mạnh mẽ, đặc biệt năm 2012. Bên cạnh đó, chi phí sản xuất quá cao cũng khiến cho lợi nhuận sau thuế luôn ở mức âm. Trong báo cáo tài chính của Công ty, có thể thấy hầu hết các khoản doanh thu phải thu của Công ty hầu hết là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, một số ít là khách hàng cá nhân. Với sự suy thoái kinh tế trong nhiều năm đã khiến cho thị trường bất động sản, xây dựng trì trệ, thậm chí nhiều doanh nghiệp phá sản. Những doanh nghiệp nhỏ có thể tồn tại được cũng hoạt động không có lãi hoặc trong tình trạng không được thanh toán tiền công trình. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc thanh toán tiền nguyên vật liệu cho TPT., JSC. Tuy nhiên, nhờ áp dụng các biện pháp thắt chặt chi phí và giảm chi phí lãi vay nên trong Quý 2 năm 2014, công ty có sự tăng nhẹ trong lợi nhuận giữ lại.

7. Vị thế của Công ty trong ngành

7.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Năng lực sản xuất và khả năng cung cấp

Công suất thiết kế nhà máy 35 triệu viên/năm. Thực tế sản xuất đạt 98% công suất thiết kế.

Hiện nay công ty có 10 xe ô tô vận chuyển gạch các loại từ 2,5 đến 6 tấn, đội ngũ công nhân bốc xếp 40 người đủ để đáp ứng nhanh, mạnh nhu cầu thị trường.

Công ty có đủ điều kiện và khả năng sản xuất cung ứng kịp thời những hợp đồng gạch với khối lượng lớn (90.000 viên/ ngày).

Trong 8 năm hoạt động công ty đã đưa ra thị trường những sản phẩm gạch ngói nung chất lượng cao phục vụ cho các công trình xây dựng lâu năm và đã đã khẳng định được thương hiệu gạch Đồng Nai – Hà Tĩnh trên lĩnh vực sản xuất gạch ngói nung.

Vị thế của Công ty trong ngành

Với tổng mức đầu tư hơn 60 tỷ đồng., nhà máy được đánh giá là nhà máy sản xuất gạch lớn nhất Miền Trung. Tuy nhiên do nguồn nguyên liệu không đảm bảo nên sản phẩm sản xuất không như cơ cấu ban đầu, vì vậy sản xuất kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ liên tục.

Hiện tại với sự phát triển của khu công nghiệp Vũng Áng nhu cầu gạch rất nhiều. Mặc dù sản phẩm gạch của công ty được khách hàng đánh giá tốt nhất trên địa bàn nhưng do nhà máy thiết kế ban đầu là sản xuất gạch cao cấp nên khi sản xuất gạch xây bình thường, giá thành cao, khó cạnh tranh về giá với các nhà máy trên địa bàn đồng thời sản xuất không có hiệu quả.

Hiện nay nhà máy đang tập trung nghiên cứu chất lượng nguồn sét để chuyển sang sản xuất ngói

7.2 Một số thuận lợi và khó khăn**Thuận lợi:**

- Sự quan tâm giúp đỡ của các cổ đông đặc biệt cổ đông Tổng công ty Khoáng Sản và Thương Mại Hà Tĩnh
- Sự phát triển của khu công nghiệp Vũng Áng, nhu cầu gạch tăng mạnh, giá bán tăng

Khó khăn:

- Tổng mức đầu tư lớn, sản phẩm làm ra không như cơ cấu ban đầu nên giá thành cao, giá bán thấp. Doanh thu không tương xứng với giá trị đầu tư.
- Tài chính gặp nhiều khó khăn

7.3 Triển vọng phát triển của ngành

Xây dựng và Vật liệu xây dựng là hai ngành không thể tách rời nhau trong nền kinh tế. Trong những năm gần đây, ngành xây dựng Việt Nam luôn được kỳ vọng là một ngành đầy tiềm năng do nhu cầu của xã hội ngày càng tăng cao. Vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính và thị trường bất động sản ảm đạm những năm trước, thị trường Xây dựng và Vật liệu xây dựng năm 2014 và những năm tiếp theo được dự báo sẽ có sự khởi sắc và phát triển nhanh cả về tốc độ lẫn quy mô.

Đó là những tiềm năng và cơ hội của Ngành để Công ty định hướng và hoạch định các chính sách phát triển sản xuất những năm tiếp theo.

7.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành

Những giải pháp và chiến lược Công ty đưa ra tại đại hội cổ đông năm 2013 cho thấy Công ty đang nỗ lực cố gắng phát triển dựa trên nguồn lực hiện có, những định hướng này hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành. Tuy nhiên nếu được đầu tư chiều sâu về công nghệ đồng thời đủ lượng vốn lưu động cần thiết phục vụ cho kinh doanh kết hợp với việc thực hiện các giải pháp đồng bộ sẽ giúp Công ty hoàn thành các kế hoạch trước mắt và có xu hướng phát triển trong dài hạn.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1 Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 30/09/2014 là 102 người với cơ cấu lao động như sau:

Cán bộ	30/09/2014	
	Số người	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo trình độ lao động	102	100%
1. Trình độ trên đại học	-	
2. Trình độ đại học	7	6,8%
3. Trình độ cao đẳng, trung cấp	13	12,7%
4. Công nhân kỹ thuật	12	11,7%
5. Sơ cấp	-	-
6. Lao động khác	70	68,6%
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động	102	100%
1. Lao động hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	55	54%
2. Lao động không xác định thời hạn	47	46%
3. Lao động trong thời gian thử việc	-	-

Nguồn: TPT.,JSC

8.2 Chính sách đối với người lao động

Công ty thực hiện nghiêm túc và đầy đủ những quy định về an toàn và bảo hộ lao động. Với mục tiêu tránh không để xảy ra tai nạn lao động, Công ty nghiêm túc kiểm tra việc chấp hành, tuân thủ các quy tắc an toàn lao động. Hàng năm, người lao động trong Công ty được hướng dẫn kỹ lưỡng về an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, và được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Xác định nhân lực là nhân tố quan trọng đối với sự phát triển của Công ty, Công ty đã đề ra kế hoạch phù hợp để xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực đủ về lượng và mạnh về chất. Công ty chú trọng bồi dưỡng, phát triển và thu hút đội ngũ trí thức, các chuyên gia có trình độ cao. Bên cạnh đó, Công ty dành những ưu đãi thích hợp và sử dụng những hình thức đãi ngộ khác để thu hút nhân tài về cho Công ty.

Công ty có quy chế đào tạo và nâng bậc lương cụ thể cho CBNV. Với chủ trương đào tạo và nâng bậc là công tác thường xuyên của đơn vị nhằm bồi dưỡng, đổi mới đội ngũ cán bộ công nhân theo hướng phát triển của đơn vị, nâng cao năng lực, nâng cao đời sống người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng, kỹ thuật hợp lý, khuyến khích các cá nhân đưa ra sáng kiến tiết kiệm chi phí, nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật... Đồng thời Công ty cũng nghiêm khắc kỷ luật những cá nhân vi phạm các quy định của Công ty, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh.

Mức lương bình quân của người lao động qua các năm:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng quỹ lương	4.995.000.000	6 562 070 200
2	Tổng thu nhập	4.779.000.000	6 275 868 600
3	Tiền lương bình quân (tháng)	3.2500.000	3.550.000
4	Thu nhập bình quân (tháng)	3.198.000	3.480.000

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, và theo quy định của Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty. Theo đó, phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ chi trả cổ tức do Hội đồng quản trị xây dựng và đề xuất và Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc:

- Cổ tức sẽ được thông báo và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.
- Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Pháp luật và ngay khi trả hết các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, đồng thời phải đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

10.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

- Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	05 – 20
Tài sản cố định vô hình	03 – 20

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013 của Công ty

10.1.2 Tình hình công nợ hiện nay

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	30/06/2014
Các khoản phải thu	4.493.559.685	2.216.480.908	2.732.069.060
Phải thu của khách hàng	4.912.333.522	4.254.653.038	4.667.066.854
Trả trước cho người bán	99.011.931	119.011.609	119.185.945
Các khoản phải thu khác	511.460.378	17.173.490	120.173.490
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.029.246.146)	(2.174.357.229)	(2.174.357.229)
Các khoản phải trả	57.839.483.641	57.101.246.506	57.259.761.783
Nợ ngắn hạn	27.480.411.218	27.606.495.482	27.765.010.759
Vay và nợ ngắn hạn	11.758.958.400	10.291.861.451	9.739.770.051
Phải trả cho người bán	6.762.493.710	6.661.511.590	6.452.866.023
Người mua trả tiền trước	84.195.402	478.781.982	282.336.314
Các khoản thuế phải nộp	2.600.080.311	2.750.399.368	2.849.776.898
Phải trả công nhân viên	892.567.489	1.178.769.089	564.148.853
Chi phí phải trả	4.689.035.259	5.670.603.480	7.158.069.981
Phải trả nội bộ	-	-	-
Phải trả khác	693.080.647	574.568.522	718.042.639
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-
Nợ dài hạn	30.359.072.423	29.494.751.024	29.494.751.024
Vay và nợ dài hạn	30.359.072.423	29.494.751.024	29.494.751.024
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-

Nguồn: BCTC 2012, 2013 đã kiểm toán và BCTC quý 2/2014

⁽¹⁾ Chi tiết khoản phải thu khách hàng đến 31/12/2013:

Stt	Phải thu khách hàng	31/12/2013 (VNĐ)
1	CN Hà Tĩnh – Tổng Công ty XD dầu khí Nghệ An	170.400.000
2	Công ty CP đầu tư và phát triển Xuân Thành	13.080.000
3	Công ty CPXD & KD Địa ốc Hòa Bình	27.530.060
4	Công ty CP sông Hồng Thăng Long	124.852.200
5	Công ty CP Thương mại Phú Hưng	3.040.000
6	Công ty CP Tiến Kinh	2.840.000
7	Công ty CP TM&ĐT Trung Đông	16.939.000

8	Công ty CP XD và KDTMVT Hà Nội	1.508.280
9	Công ty CP XD & Thương Mai 1-5	41.685.000
10	Công ty CP XD và TM Hoàng Đạt	4.246.000
11	Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng Áng	25.939.800
12	Công ty CP Xây dựng DK số 3 – Dầu khí Nghệ An	523.139.000
13	Công ty CP xây dựng Hoàng Minh	655.000
14	Công ty CP xây dựng Linh Lâm	6.532.000
15	Công ty CP xây dựng thương mại Bắc Á	22.511.700
16	Công ty CP xây dựng và dịch vụ Tân Khang	3.921.800
17	Công ty CP xây dựng và thương mại Hường Phú	83.230.000
18	Công ty CP xây lắp DV và TM Hoàng Lai	25.393.240
19	Công ty CP xây lắp và TM Trường Thành	1.220.200
20	Công ty CPTM dịch vụ à xây dựng Tân Sơn Dương	3.440.000
21	Công ty CPXD & TM Tấn Đạt	44.875.000
22	Công ty cổ phần Đại Phúc	142.385.000
23	Công ty Thiên Ứng	9.500.000
24	Công ty TNHH Hoàng Đức	31.905.100
25	Công ty TNHH MTV cơ giới và xây dựng sông Hồng	432.000
26	Công ty TNHH quốc tế Á Tín	7.240.000
27	Công ty TNHH Sapphire KTY Việt Nam	17.322.668
28	Công ty TNHH TM An Thuận Phát	4.500
29	Công ty TNHH Tiến Thịnh	6.747.735
30	Công ty TNHH Trung Anh	865.000
31	Công ty TNHH Trí Nhân Dung	37.251.000
32	Công ty TNHH XD Bossism	33.220
33	Công ty TNHH XD Cao Dương	17.630.000
34	Công ty TNHH XD và PT hạ tầng Mitraco	109.036.800
35	Công ty TNHH XD và vận tải Phước Lợi	21.380.000
36	Công ty TNHH xây dựng Hoàn Sơn	207.118.000
37	Công ty TNHH Đại Hiệp	38.755.000
38	Công ty Tư vấn xây dựng Sơn An	41.810.000
39	Doanh nghiệp tư nhân Khánh Hùng	166.880
40	Khách lẻ	338.046.306
41	UBND xã Kỳ Tiến	440.600
42	Xí nghiệp 1 – Công ty CP AGROMAS_VN	416.000
43	Xí nghiệp 2 – Tổng công ty XL dầu khí Nghệ An	496.580.800
44	Xí nghiệp 3 – Tổng công ty XL dầu khí Nghệ An	511.414.000
45	Xí nghiệp 4 – Công ty CPXD hạ tầng DK Nghệ An	415.078.000
46	Xí nghiệp 5 – Tổng công ty xây lắp dầu khí NA	42.520.000
47	Xí nghiệp cơ khí Xuân Hồng	81.050.609
48	Xí nghiệp xây dựng Sơn Thành	9.497.540
49	Xí nghiệp điện nước và xây lắp – Dầu khí Nghệ An	501.700.000

50	Đại lý Nga Trọng	21.347.000
	Tổng cộng	4.254.653.038

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

(2) Chi tiết khoản phải trả người bán đến 31/12/2013:

Stt	Phải trả người bán	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty CP xây lắp TM TH Lam Hồng	2.762.237.805
2	Công ty CP bảo trì lò Việt Nam	105.529.300
3	Công ty CP cơ khí và xây lắp Mitraco	77.299.850
4	Công ty CP cơ khí đúc Tràng An	141.308.472
5	Công ty CP Hữu Thịnh	117.404.000
6	Công ty CP may Hà Tĩnh	47.330.000
7	Công ty CP thiết bị phụ tùng Hà Tĩnh	700
8	Công ty CP thương mại & du lịch miền Trung	173.918.210
9	Công ty CP vận tải và xây dựng	733.609.486
10	Công ty CP xăng dầu đầu khí Vũng Áng	31.626.650
11	Công ty CP Xây dựng và Tm Đại Hùng	60.413.319
12	Công ty CP xây lắp TM và DV Nghi Xuân	44.000.000
13	Công ty Công nghệ mới – COTEC	432.979.736
14	Công ty kiểm toán Asco	53.784.999
15	Công ty TNHH cơ khí đúc Đại Thắng	12.500.000
16	Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội	16.500.000
17	Công ty TNHH quảng cáo Hải Anh	2.549.981
18	Công ty TNHH xây dựng Phong Tuấn	100.000
19	Công ty TNHH Đại Hiệp	1.493.951.000
20	Công ty TNHH Đồng Phú	46.870.432
21	Công ty TNHH Đầu tư TM Minh Long	23.713.460
22	Công ty Tư vấn xây dựng FICO	30.707.620
23	Công ty Tư vấn xây dựng Sơn An	16.500.000
24	Công ty điện lực 1	440
25	Cảng Hà Tĩnh	34
26	Doanh nghiệp tư nhân Nhâm Lý	96
27	Doanh nghiệp tư nhân Tùng Thành	4.144.500
28	Hoàng Văn Duyên	14.732.000
29	Nguyễn Duy Đức	6.413.800

30	Nguyễn Hữu Phú	9.175.200
31	Nguyễn Quốc Tri	12.716.600
32	Phạm Ngọc Huỳnh	11.047.000
33	Trần Trung Thông	11.041.000
34	Tổng Công ty khoáng sản và TM Hà Tĩnh	153.000.400
35	Võ Quốc Lai	14.405.500
	Tổng cộng	6.661.511.590

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

⁽³⁾ Chi tiết người mua trả tiền trước đến 31/12/2013:

Stt	Người mua trả tiền trước	31/12/2013 (VNĐ)
1	Công ty hữu hạn CP Kỹ thuật công trình CISDI TQ	158.300.000
2	Công ty CO xây dựng và TM 171	46.284.100
3	Công ty TNHH TMDVVXD Tâm Vinh	170.006.600
4	Công ty TNHH XNH Châu Tuấn	7.164.000
5	Khách hàng nộp tiền trước	105
6	Nguyễn Hữu Sum	70.000.000
7	Nguyễn Thị Hường	27.177
	Tổng cộng	478.781.982

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

⁽⁴⁾ Chi tiết chi phí phải trả đến 31/12/2013:

Stt	Phải trả người bán	31/12/2013 (VNĐ)
1	Chi phí lãi vay phải trả Tổng công ty Khoáng sản & Tm Hà Tĩnh	2.384.390.000
2	Chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng PT VN – CN Hà Tĩnh	3.258.947.480
3	Phải trả khác	27.266.000
	Tổng cộng	5.670.603.480

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013

10.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013
Kinh phí công đoàn	147.940.713	118.401.983
Bảo hiểm xã hội, BHYT	467.456.727	296.065.597
Các khoản phải nộp khác	77.683.207	160.100.942
Tổng cộng	693.080.647	574.568.522

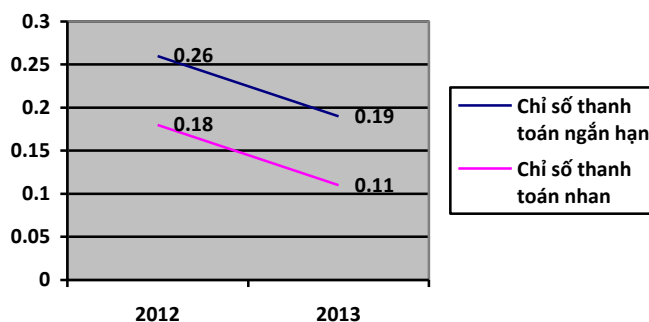
Nguồn: BCTC 2012 & 2013 đã kiểm toán

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,26	0,19
Hệ số thanh toán nhanh	0,18	0,11
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Nợ/Tổng tài sản	104%	114%
Vay/Tổng tài sản	75,4%	79,2%
Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	-29,5	-8,3
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay các khoản phải thu	5,26	7,75
Vòng quay các khoản phải trả	0,414	0,419
Vòng quay hàng tồn kho	6,89	10,23
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,45	0,51
Chỉ tiêu về tăng trưởng và cơ cấu chi phí		
Tăng trưởng doanh thu thuần	-1,9%	3,15%
Tỷ lệ giá vốn/Doanh thu thuần	109%	92%
Tỷ lệ Doanh thu tài chính/Doanh thu thuần	0,00%	0,00%
Tỷ lệ chi phí tài chính/Doanh thu thuần	12,1%	22%
Tỷ lệ chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,00%	0,00%
Tỷ lệ doanh thu khác/Doanh thu thuần	-	2,1%
Tỷ lệ chi phí khác/Doanh thu thuần	8,9%	1,2%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	11,8%	11,3%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-50,8%	-18,8%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-653%	-71,4%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-22,9%	-9,7%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	5,8%	4,7%

Nguồn: Tổng hợp theo BCTC kiểm toán 2012,2013 của Công ty

Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong tình trạng đáng báo động



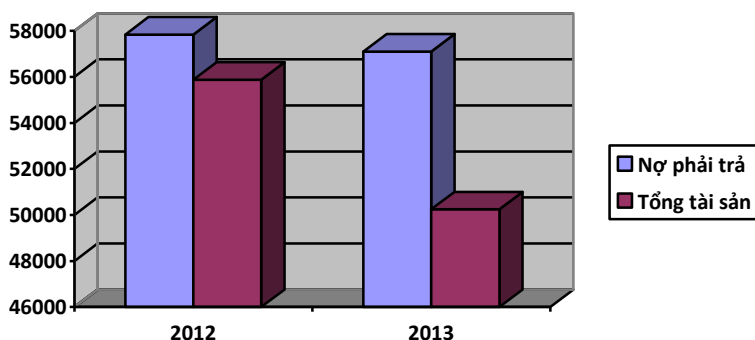
Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty trong tình trạng nguy cấp. Các chỉ số này của Công ty đều ở dưới mức 0,5, cho thấy Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tài sản lưu động của Công ty không đủ khả năng tài trợ cho các khoản nợ ngắn hạn. Hiện tại, Công ty đang có khoản nợ ngắn hạn với Ngân hàng VCB – Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản & Thương mại Hà Tĩnh số tiền 10.2 tỷ đồng. Các khoản nợ dài hạn của Công ty lên đến gần 29.5 tỷ đồng với các khoản lãi vẫn phải trả theo định kỳ. Điều này là một điểm đáng lo ngại đối với tình hình kinh doanh không khả quan của Công ty trong thời gian vừa qua.

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh có sự chênh lệch không quá lớn do giá trị hàng tồn kho chiếm tỷ trọng tương đối trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty.

Biểu đồ 6: Cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2012-2013

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nợ phải trả chiếm tỷ trọng lớn



Các công ty trong ngành xây dựng và vật liệu xây dựng thường có xu hướng sử dụng tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn tương đối cao, điều này đồng nghĩa với việc tỷ lệ sử dụng nợ càng lớn thì gánh nặng chi phí tài chính sẽ gia tăng tương ứng. Về phía Công ty, có thể thấy, tỷ trọng nợ/tổng tài sản của Công ty ở mức rất cao (trên 100% giá trị tổng tài sản). Điều này là đáng lo ngại vì khi xảy ra vấn đề cần thanh toán nợ nhanh, tổng tài sản của Công ty sẽ không đủ để thanh toán số nợ cùng một lúc.

11. Tài sản**11.1 Giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 31/12/2013**

Đơn vị: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	40.832.993.656	33.813.865.55	82,8%
2	Máy móc, thiết bị	11.358.511.814	7.859.050.993	69,1%
3	Phương tiện vận tải	1.065.683.239	696.542.881	65,3%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	63.590.882	40.667.395	63,9%
5	Tài sản khác	952.464.903	527.012.258	55,3%
	Cộng	54.273.244.494	42.937.139.078	79,1%

Nguồn: BCTC năm 2013 đã kiểm toán

11.2 Tình hình sử dụng đất đai

STT	Lô đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên bãi	Mục đích sử dụng	Nguồn gốc sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu đất tại Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	114565,0 m ²	Xây dựng nhà máy gạch Tuynel	Sản xuất gạch Tuynel	Thuê đất (hoặc giao đất) trả tiền hàng năm theo Quyết định số 2029 được UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 953045	Thời hạn thuê 50 năm. Từ 19/06/2008 đến 19/06/2058

Nguồn: Công ty

12. Kế hoạch phát triển kinh doanh năm 2015

Hiện tại Công ty đang chờ sự thay đổi cơ cấu cổ đông. Ngay sau khi chuyển đổi cơ cấu cổ đông có hiệu lực, Công ty sẽ xây dựng phương án kinh doanh trong giai đoạn tiếp theo.

13. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành khảo sát Doanh nghiệp, thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Dựa trên báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp qua các năm 2012, 2013 và quý 2 năm 2014; căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết cũng như vị thế công ty trong ngành, trong trường hợp nền kinh tế vĩ mô không có biến động lớn theo hướng tiêu cực thì SHS hy vọng Công ty có thể xây dựng phương án kinh doanh hợp lý.

Ý kiến đánh giá trên đây được SHS đưa ra trên cơ sở nghiên cứu và lý thuyết về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty.

Những đánh giá trên đây của Tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

VII. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán cổ phần của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin tại Công ty cổ phần Gạch ngói và vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản, hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Gạch ngói và vật liệu xây dựng Đồng Nai – Hà Tĩnh cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. SHS không chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin mà TPT., JSC cung cấp.

Các số liệu liên quan đến tài sản, nguồn vốn trong báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gạch ngói và VLXD Đồng Nai – Hà Tĩnh được trình bày ở trên được phản ánh theo giá trị sổ sách kế toán, không phải là giá trị được định giá lại theo giá thị trường tại thời điểm lập Bản công bố thông tin này.

Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định mua cổ phần.

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – VINACOMIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN TIẾN MẠNH

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP BÁN ĐẦU GIÁ
CÔNG TY GẠCH NGÓI VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI – HÀ TỈNH
GIÁM ĐỐC**

NGÔ ĐỨC LÝ

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẦU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI
TỔNG GIÁM ĐỐC**

VŨ ĐỨC TIẾN